

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 682/2024/HS-ST

Ngày 18-12-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Giàu;

2. Ông Huỳnh Phi Hồ;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diệu Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 705/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 716/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024 đối với:

- Bị cáo:

Trần Công L; sinh năm: 1994 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: 44 ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Công L1 và bà Nguyễn Thị T, bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Sở Y tế tỉnh Đ; địa chỉ: Số B, đường P, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Vào ngày 27/8/2012, Trần Công L thi đỗ và theo học ngành Dược học tại Trường Đại học N, địa chỉ số C, N, phường A, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình học tập, do L không hoàn thành nhiều môn học nên không đủ điều kiện tốt nghiệp.

Vào khoảng tháng 09/2016, L quen biết với đối tượng tên C (không rõ lai lịch), C cho Lý số điện thoại của người tên K, có tài khoản zalo “Đăng Khoa” và giới thiệu K là Trưởng phòng đào tạo của Trường Đại học N có thể giúp L được thi tốt nghiệp. Sau đó, L liên hệ với đối tượng K qua zalo “Đăng Khoa” thoả thuận nhờ K làm 01 Bằng tốt nghiệp cao đẳng Dược, 01 Bảng điểm và 01 Giấy chứng nhận tốt nghiệp của Trường Đại học N với giá 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Đến khoảng tháng 11/2016 (không rõ ngày), K gọi zalo hẹn L thời gian và địa điểm giao giấy tờ tại phía trước cổng Trường đại học N. Khi L đứng chờ tại điểm hẹn thì được 01 nam thanh niên (không rõ lai lịch) đến giao cho L 01 túi hồ sơ bên trong có 01 Bằng tốt nghiệp cao đẳng Dược của Trường Đại học N, số hiệu B62589; 01 Bảng điểm (Thành tích học tập) ngày 20/12/2016; 01 Giấy chứng nhận tốt nghiệp ngày 11/10/2016 của Trường Đại học N cấp cho Trần Công L, L đã trả số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) như thoả thuận trước đó. Sau đó, L kiểm tra giấy tờ thì phát hiện mã số sinh viên của L trên Bảng điểm và Giấy chứng nhận tốt nghiệp không đúng nên gọi lại K thì K tắt điện thoại. Lý truy cập tài khoản kiểm tra kết quả học tập của L trên trang web của T1 thì thấy điểm số của L vẫn không thay đổi và không đủ điều kiện thi tốt nghiệp. Lý đến Phòng đào tạo tìm K thì biết Trưởng phòng đào tạo không phải tên K. Lúc này, L biết bị đối tượng K lừa bán giấy tờ giả.

Đến ngày 08/6/2017, do L không hoàn thành nhiều môn học nên Trường Đại học N đã ra Quyết định thôi học đối với L.

Do lo sợ bị gia đình phát hiện, nên L mang số giấy tờ giả trên về nhà cất giữ. Đến ngày 17/8/2020, do gia đình Lý tưởng nhầm L đã tốt nghiệp nên thúc ép L đi xin việc làm, nên L đã làm thủ tục xin cấp chứng chỉ hành nghề dược. L sử dụng 01 Bằng tốt nghiệp cao đẳng Dược, 01 Bảng điểm; 01 Giấy chứng nhận tốt nghiệp mua được nêu trên gửi kèm theo hồ sơ kê khai nộp cho Sở y tế tỉnh Đ xin cấp Chứng chỉ hành nghề dược. Qua thẩm định hồ sơ, Sở y tế tỉnh Đ phát hiện Bằng tốt nghiệp, Bảng điểm, Giấy chứng nhận tốt nghiệp do L nộp là giả nên đã báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ. Ngày 30/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ (PC02) tiếp nhận nguồn tin lập hồ sơ, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Công L đã khai nhận toàn bộ hành vi như trên.

Vật chứng của vụ án:

- 01 Bằng tốt nghiệp cao đẳng Dược ghi Trường Đại học N, số hiệu B62589 do Hiệu trưởng – Nguyễn Mạnh H cấp cho Trần Công L ngày 20/12/2016, số vào sổ cấp bằng Q2CD12/396.

- 01 Bảng điểm (Thành tích học tập) ghi Trường Đại học N ngày 20/12/2016 do Phó trưởng phòng đào tạo Trần Hồng Q ký cấp cho Trần Công L.

- 01 Giấy chứng nhận tốt nghiệp ghi Trường Đại học N ngày cấp ngày 11/10/2016 cho Trần Công L.

- 01 Biên nhận hồ sơ (bản sao y) ngày 17/8/2020 của Sở Y tế về việc tiếp nhận hồ sơ yêu cầu giải quyết cấp chứng chỉ hành nghề được cho Trần Công L và 01 bộ hồ sơ (bản sao y) đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề được kèm theo.

Tại Kết luận giám định số 1519/KL-KTHS ngày 22/8/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ đã kết luận:

“1. Hình dấu tròn Trường Đại học N – Bộ G và đào tạo trên các tài liệu mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A3) so với hình dấu tròn Trường Đại học N – Bộ G và đào tạo trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M7) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

2. Chữ ký mang tên PGS.TS Nguyễn Mạnh H trên tài liệu mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với các chữ ký mang tên PGS.TS Nguyễn Mạnh H trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M2 đến M4) không phải do cùng một người ký ra”.

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 673/CT-VKSBH ngày 19/11/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố:

- Trần Công L, về tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, theo khoản 1 Điều 341, Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Trần Công L từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù.

+ Xử lý vật chứng theo quy định.

- *Lời nói sau cùng:* Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả, nhận thức được hành vi sai trái của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tổ tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, lời khai của

họ đã đầy đủ và có trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc xét xử; nên Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố và tội danh:

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng tháng 11/2016 (không rõ ngày), thông qua đối tượng tên C (không rõ lai lịch) giới thiệu, Trần Công L đã mua của đối tượng tên K (không rõ lai lịch) 01 Bằng tốt nghiệp cao đẳng Dược của Trường Đại học N, số hiệu B62589; 01 Bằng điểm (Thành tích học tập) ngày 20/12/2016; 01 Giấy chứng nhận tốt nghiệp ngày 11/10/2016 của Trường Đại học N với giá 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Đến 17/8/2020, L sử dụng 03 giấy tờ giả nêu trên nộp hồ sơ cho Sở y tế tỉnh Đ xin cấp Chứng chỉ hành nghề dược thì bị Sở y tế phát hiện báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ (PC02) lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý.

- *Về tội danh:* Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Trần Công L phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản Cáo trạng số 673/CT-VKSBH ngày 19 tháng 11 năm 2024 và kết luận của Kiểm sát viên của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Trần Công L đề nghị truy tố bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- *Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hành vi phạm tội của bị cáo còn ảnh hưởng đến an ninh, trật tự của xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi cá nhân bất chấp hậu quả xảy ra. Do đó, cần áp dụng mức án nghiêm đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Không có.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm,

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo là bóc đồng thiếu suy nghĩ chỉ vì lo sợ gia đình phát hiện ra kết quả học tập của mình và áp lực xin việc làm từ gia đình nên L đã có hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để xin cấp giấy chứng chỉ hành nghề được. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng; nhân thân tốt, bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Từ khi được tại ngoại đến nay, bị cáo không gây nguy hại cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật nên xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội. Xét thấy, bị cáo có đủ các điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo nên cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về vật chứng:

- 01 Bằng tốt nghiệp cao đẳng Dược ghi Trường Đại học N, số hiệu B62589 do Hiệu trưởng – Nguyễn Mạnh H cấp cho Trần Công L ngày 20/12/2016, sổ vào sổ cấp bằng Q2CD12/396.

- 01 Bảng điểm (Thành tích học tập) ghi Trường Đại học N ngày 20/12/2016 do Phó trưởng phòng đào tạo Trần Hồng Q ký cấp cho Trần Công L.

- 01 Giấy chứng nhận tốt nghiệp ghi Trường Đại học N cấp ngày 11/10/2016 cho Trần Công L.

- 01 Biên nhận hồ sơ (bản sao y) ngày 17/8/2020 của Sở Y tế về việc tiếp nhận hồ sơ yêu cầu giải quyết cấp chứng chỉ hành nghề dược cho Trần Công L và 01 bộ hồ sơ (bản sao y) đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề dược kèm theo.

Tất cả các vật chứng trên để lưu hồ sơ vụ án.

[5] Đối với người tên C và tên K đã giúp L làm giấy tờ giải của cơ quan, tổ chức, kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố biên H1 tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý sau.

[6] Về án phí: Bị cáo Trần Công L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa phần lớn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận phần phù hợp. Riêng về phần đề xuất mức hình phạt tù đối với bị cáo L, xét thấy là không cần thiết. Vì bị cáo L có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có nơi cư trú ổn định, hành vi của bị cáo là bóc đồng thiếu suy nghĩ chỉ vì lo sợ gia đình phát hiện ra kết quả học tập của mình nên năm 2016, L đã nhờ người làm giả giấy tờ của Trường Đại học N mục đích nhằm che giấu kết quả học tập thật của L với gia đình nhưng đến tháng

8/2020, do áp lực xin việc làm từ gia đình nên L đã có hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để xin cấp giấy chứng chỉ hành nghề được. Do đó, xét không cần thiết áp dụng hình phạt tù cho bị cáo L mà cho bị cáo L hưởng án treo để có cơ hội cải tạo, sửa chữa bản thân và có thời gian ở ngoài để lao động phụ giúp gia đình.

- Phần trình bày của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 341; Điều 65; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo.

Tuyên bố bị cáo Trần Công L phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Xử phạt bị cáo Trần Công L 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (18/12/2024), nếu bản án không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Công L cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Công L phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị hại;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Nguyệt

